TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** -------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 247/2020/QĐST-VDS	*Tp. Cà Mau, ngày 20 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Trương Thanh Quốc

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Thu Vân, là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên họp: Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 211/2020/TLST-VDS ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 850/2020/QĐST-VDS ngày 06 tháng 11 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Lan H2, sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Phường 9, thành phố C, tỉnh C. (Có mặt)

- Anh Thân Vĩnh H1, sinh năm: 1974. Đăng ký hộ khẩu thường trú: xã Đ, huyện M, tỉnh B. (Xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 chung sống với nhau năm 2002 nhưng đến ngày 07/10/2008, anh chị mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 9, thành phố C, tỉnh C. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay, mỗi người sống một nơi, có cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay anh, chị xác định mâu thuẫn vợ, chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Thân Chấn Tú, sinh ngày 20/02/2005 và Thân Chấn Lương, sinh ngày 20/02/2005, hiện các con đang sống chung với chị H2. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 con

chung cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên họp:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nhận định:

[1] Trong quá trình Tòa án giải quyết việc dân sự về việc thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 thì anh H1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh H1.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 chung sống với nhau năm 2002 nhưng đến ngày 07/10/2008, anh chị mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường 9, thành phố C, tỉnh C nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh, chị xác định vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Hôn nhân của chị H2 và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận được thuận tình ly hôn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật nên Tòa án chấp nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Thân Chấn Tú, sinh ngày 20/02/2005 và Thân Chấn Lương, sinh ngày 20/02/2005, hiện các con đang sống chung với chị. Khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho chị H2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự (ngày 20 tháng 11 năm 2020). Xét thấy thỏa thuận của anh, chị cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu, không trái với quy định pháp luật nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Anh H1 không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Các Điều 367, 371, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 36 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1.

2. Về con chung: Giao Thân Chấn Tú, sinh ngày 20/02/2005 và Thân Chấn Lương, sinh ngày 20/02/2005 cho chị Nguyễn Thị Lan H2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thân Vĩnh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự (ngày 20 tháng 11 năm 2020). Trường hợp con đã thành niên mà không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì anh Thân Vĩnh H1 vẫn có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con. Anh Thân Vĩnh H1 không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định không có.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 xác định không có.

5. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng. Vào ngày 25/9/2020, chị Nguyễn Thị Lan H2 và anh Thân Vĩnh H1 đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002412 được chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát TPCM;
- Người yêu cầu giải quyết VDS;
- Chi cục THA DS TPCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Trương Thanh Quốc